

Bản án số 15/2021/DS - PT

Ngày: 02/02/2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thủy và bà Dương Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2020/TLPT - DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS - ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 127/QĐPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1973;

Trú tại: Xóm QT, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Ma Văn T, sinh năm 1958;

Trú tại: Xóm QT, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Ma Thị N, sinh năm 1978;

Trú tại: Xóm QT, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N1 - Luật sư, Cộng tác viên trợ giúp pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên (Văn phòng Luật sư TN – Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn S - Chủ tịch UBND huyện.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trường T1 - Phó Trưởng phòng - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Định Hóa (văn bản ủy quyền số 2391/QĐ - UB ngày 25 tháng 5 năm 2020 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Anh Ma Trung Đ, sinh năm 1993;

3.3. Chị Ma Thị A, sinh năm 2001;

Là con trai và con gái bà C và đều trú tại xóm QT, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Anh Đ và chị A đều ủy quyền cho bà Nguyễn Thị C (là mẹ đẻ) giấy ủy quyền ngày 01/02/2021.

4. Những người làm chứng:

4.1. Bà Ma Thị H, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Xóm ĐP, xã PT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.2. Bà Ma Thị H1, sinh năm 1953. Nơi cư trú: Xóm LP, xã SP, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.3. Bà Ma Thị C1, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Xóm QT, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.4. Bà Ma Thị T2, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Xóm QT, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.5. Ông Ma Văn T3, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Xóm QT, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

4.6. Bà Ma Thị H2, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Xóm QT, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.7. Bà Ma Thị T4, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Xóm LB, xã SP, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.8. Ông Ma Văn D, sinh năm 1955. Nơi cư trú: xóm ĐP, xã PT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.9. Ông Dương Văn T5, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Xóm Xóm QT, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.10. Ông Ma Tiến M, sinh năm 1953. Nơi cư trú: Xóm LP, xã SP, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

4.11. Bà Dương Thị N2. Nơi cư trú: Xóm QT, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Năm 1991, bà kết hôn với ông Ma Văn T6, sau khi kết hôn bà về làm dâu ở với gia đình ông T6, khi đó gia đình có ông T6, bà Ma Thị Đ1 là mẹ đẻ ông T6 - chồng bà, và 01 người em cô ông T6 là chị Ma Thị H2. Sau khi về làm dâu, bà cùng chồng cày cấy số ruộng của gia đình nhà chồng. Số ruộng đất này bà được biết trước đây gia đình bố mẹ chồng công hữu vào Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, khoảng năm 1991 - 1992 khi Hợp tác xã nông nghiệp không điều hành được, các gia đình trong địa phương trước đây có ruộng công hữu vào Hợp tác xã lấy lại ruộng để tự canh tác cá thể. Khoảng cuối năm 1992, bà Ma Thị Đ1 họp gia đình để chia ruộng, bà chia cho các con trai, không chia cho các con gái. Tại buổi họp đó chỉ có bà Đ1 và các con trai gồm ông Ma Văn T, ông Ma Văn T3, ông Ma Văn T6, bà chia số ruộng đất cho 03 người con trai, ông T6 được chia trong đó có 01 thửa ruộng theo địa danh gọi là Nạ En, ở xóm BD, xã TL. Ông T được chia 01 thửa, ông T3 được chia 01 thửa và ông T6 01 thửa (thửa của ông T6 nay là thửa 120, tờ bản đồ số 19, bản

đồ địa chính xã Trung Lương, đất trồng lúa nước có diện tích 318.0 m², thửa ruộng này hiện ông Ma Văn T đang chiếm giữ, tranh chấp). Sau khi chia, các gia đình sử dụng ổn định, năm 1994 ông Ma Văn T6 làm đơn kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1997, vợ chồng bà nhận chuyển nhượng thêm 01 thửa của người khác, sau khi làm thủ tục, cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và năm 2003 vợ chồng bà chuyển nhượng cho người khác 01 thửa, sau khi làm tục chuyển nhượng Cơ quan có thẩm quyền cũng cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với bà Ma Thị Đ1 ở với vợ chồng bà từ khi bà kết hôn với ông T6, đến khoảng tháng 11 năm 2003 thì bà sang ở với ông Ma Văn T (anh trai ông T6). Tháng 02/2004 do gia đình bà chỉ có 2 vợ chồng và 02 con còn nhỏ, không có nhân lực để làm và thửa ruộng này liền kề với thửa ruộng của ông T nên vợ chồng bà để cho ông T canh tác cho tiện và hưởng hoa lợi. Năm 2008 ông T6 bị cảm đột ngột chết, bà vẫn để cho ông T canh tác. Năm 2014 bà làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/8/2014. Thửa 120, tờ bản đồ số 19, diện tích 318.0 m². Từ khi kê khai và được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đã nhiều lần đề nghị ông T trả lại thửa đất nêu trên cho bà canh tác nhưng ông T không trả, mà cho rằng thửa ruộng đó là xuất ruộng của bà Đ1, nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Ma Văn T phải trả lại cho bà thửa đất trên.

Bị đơn ông Ma Văn T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là chị Ma Thị N trình bày: Về nguồn gốc thửa đất trên là ruộng đất ông cha trước đây công hữu vào Hợp tác xã như bà C trình bày là đúng. Sau khi lấy lại số ruộng đất của gia đình có 01 mẫu 06 sào 06 thước, cụ Ma Thị Đ1 (là mẹ đẻ ông T và ông T6) tổ chức họp gia đình để phân chia ruộng đất bà chia cho 03 người con trai, mỗi người được 05 sào đất ruộng, còn lại thửa đất này bà không chia mà để lại làm tài sản riêng và hương hỏa sau này. Khi đó bà ở với con trai út là ông Ma Văn T6, do vậy bà tạm thời cho số diện tích ruộng của bà vào sổ bìa đỏ của ông T6 để tiện chăm sóc bà, thửa đất trên theo sổ bìa đỏ cũ bản đồ giải thửa 169 có số thửa 291, tờ bản đồ số 6, diện tích là 480m² đất lúa. Bà Đ1 ở với ông T6 đến tháng 12 năm 2002 thì bà sang ở với ông T, bà cũng đã nhất trí chuyển cho ông T thửa đất nêu trên. Khi ông T6 còn sống cũng nhất trí chuyển cho ông T thửa đất nêu trên để sử dụng vào việc chăm sóc bà và hương hỏa sau này, ông T cũng đã sử dụng thửa ruộng này từ năm 2003 cho đến nay. Năm 2008 ông T6 chết, năm 2009 bà Đ1 cũng chết. Năm 2013 xã Trung Lương triển khai việc cấp đổi sổ bìa đỏ mới ông T đã đề nghị bà C chuyển giao lại quyền sử dụng thửa đất trên cho ông T, lúc đầu chị C đã đồng ý nhưng sau đó bà C không đồng ý nữa. Năm 2014 bà C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên và bà C khởi kiện yêu cầu ông T trả lại ông T không nhất trí.

Tại Văn bản số 891/UBND - TNMT ngày 15 tháng 6 năm 2020 Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa có ý kiến như sau: Ông Ma Văn T6 được cấp quyền sử dụng

thửa đất số 291, tờ bản đồ số 6 - bản đồ 169, diện tích 480m² đất lúa; theo bản đồ địa chính xã Trung Lương là thửa đất số 120, tờ bản đồ số 19, diện tích 318,0m² đất lúa đã được Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa cấp quyền sử dụng đất từ năm 1994, trong quá trình sử dụng đất ông T6 đã được cấp lại quyền sử dụng đất vào các năm 1997, 2003; năm 2008 ông T6 chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất đã họp và thống nhất cho bà Nguyễn Thị C là vợ ông T6 được hưởng thừa kế tài sản, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 830342, sổ vào sổ CH 03825, ngày 20/8/2014 mang tên bà Nguyễn Thị C là đúng quy định của pháp luật được quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 169 và Điểm d khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ vào các quy định nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa đề nghị Tòa án nhân dân huyện Định Hóa bác yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 830342, sổ vào sổ CH 03825, ngày 20/8/2014 mang tên bà Nguyễn Thị C.

Những người làm chứng trình bày: Bà Ma Thị H, bà Ma Thị H1, bà Ma Thị C1, bà Ma Thị T2, ông Ma Văn T3, bà Ma Thị H2, bà Ma Thị T4 đều là anh em ông T (con bà Ma Thị Đ1) trình bày thống nhất như nội dung ông T, chị N trình bày. Ông Ma Văn D, ông Dương Văn T5, ông Ma Tiến M đều xác nhận việc bà Đ1 có một suất ruộng đất chung trong sổ bia đỏ của anh Ma Văn T6, khi bà ở với ông T thì ông T canh tác từ năm 2003 đến nay.

Với nội dung nêu trên tại bản án số 07/2020/DS - ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Áp dụng: Khoản 9 Điều 26; các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 100, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013. Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C: Buộc ông Ma Văn T phải chấm dứt việc chiếm giữ, trả lại cho bà C thửa đất số 120, tờ bản đồ số 19 - bản đồ địa chính xã Trung Lương mà bà C được Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 830342, sổ vào sổ CH 03825, ngày 20/8/2014 để bà C quản lý, sử dụng.

Bác yêu cầu của ông Ma Văn T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 830342, sổ vào sổ CH 03825, ngày 20/8/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên cấp cho bà Nguyễn Thị C.

Chi phí tố tụng: Ông Ma Văn T và bà Nguyễn Thị C phải chịu mỗi người 700.000^d (bảy trăm nghìn đồng), ông T, bà C đã nộp đủ.

Về án phí: Ông Ma Văn T phải chịu 909.480^d (chín trăm linh chín nghìn, bốn trăm tám mươi đồng). Hoàn trả bà Nguyễn Thị C 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0017582 ngày 25 tháng 01 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/9/2020 ông Ma Văn T kháng cáo toàn bộ bản án vì ông cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà C là trái quy định của pháp luật, vì bà C không phải là đối tượng được cấp quyền sử dụng đất, đây là di sản thừa kế chưa được phân chia. Đề nghị Tòa án tỉnh hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông T vẫn giữ nguyên nội dung mà ông T đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Thừa đất ruộng số 120, tờ bản đồ số 19 - bản đồ địa chính xã Trung Lương, theo bản đồ giải thửa cũ 169 là thửa đất số 291 tờ bản đồ số 6, diện tích 480m² có nguồn gốc của cụ Ma Thị Đ1 là mẹ đẻ ông Ma Văn T6, Ma Văn T (ông T6 là chồng bà C) khai phá sử dụng ổn định điều này được cả nguyên đơn cũng như bị đơn thừa nhận, chỉ khác là nguyên đơn bà C cho rằng khi còn sống cụ Đ1 đã phân chia đất cho các con thì thửa đất này được phân chia cho ông T6. Năm 1994 ông Ma Văn T6 đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1997, ông T6 được cấp lại sổ mới do nhận chuyển nhượng thêm quyền sử dụng đất của người khác. Năm 2003 ông Ma Văn T6 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2008 ông Ma Văn T6 chết, không để lại di chúc, ngày 18/6/2014 bà C và 02 con của bà C là anh Ma Trung Đ và chị Ma Thị A họp phân chia tài sản ông Ma Văn T6 để lại và thống nhất cho bà Nguyễn Thị C được thừa kế toàn bộ diện tích đất mà ông Ma Văn T6 để lại. Ngày 20/6/2014 bà Nguyễn Thị C làm đơn xin nhận thừa kế đồng thời đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có thửa 291, tờ bản đồ số 06 diện tích 480m² đất lúa từ bản đồ 169 sang bản đồ địa chính xã Trung Lương là thửa đất số 120, tờ bản đồ số 19, diện tích 318.0m² đất lúa (đã trừ làm đường 264 là 95.2 m²). Ngày 20/8/2014 Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa ra Quyết định số 2040/QĐ - UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo văn bản phân chia tài sản thừa kế, đồng thời cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính cho bà Nguyễn Thị C. Do vậy đây là tài sản của bà C buộc ông T phải trả lại cho bà sử dụng, còn ông T thì cho rằng thửa đất ruộng này là suất ruộng của bà Ma Thị Đ1, đó là suất ruộng riêng bà không chia mà theo ý nguyện của bà khi bà còn sống ở với ai thì người đó được canh tác lấy hoa lợi nuôi bà, khi bà chết thì lo tang lễ và để người sử dụng canh tác lấy hoa lợi hương hỏa thờ cúng sau này nên không đồng ý trả cho bà C. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Về nguồn gốc thửa ruộng này là của cụ Đ1, còn cụ Đ1 có cho ông T6 chồng bà C hay không thì không có tài liệu nào thể hiện cụ Đ1 cho ông T6, nhưng ông T6 đã làm các thủ tục để được UBND huyện Định Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T6 từ năm 1994 và thực tế vợ chồng ông T6, bà C cũng làm từ đó cho đến năm 2003 thì chuyển giao cho ông T canh tác sử dụng cho đến nay năm 2021. Lý do ông T được sử dụng là do cụ Đ1 có tuyên bố bà ở với con nào thì thửa ruộng đó sẽ thuộc về con đó, được thể hiện khi ông T6 còn sống cụ Đ1 đã yêu cầu ông T6 tách thửa ruộng trong bì đồ mang tên ông T6 sang tên ông T để tiện canh tác sử dụng, việc này đã được ông T, ông T6, bà C và các anh chị em ông T thừa nhận nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ngoài lời khai của ông T và anh chị em ông T, bà C thì không công nhận có sự thỏa thuận đó nhưng bà C lại đồng ý giao lại thửa đất đó cho ông T tại văn bản phân chia thừa kế (BL 14). Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định lời nói của cụ Đ1 khi còn sống đã nói cụ ở với con nào thì thửa ruộng đó sẽ thuộc về người con đó, thời điểm từ năm 2003 cụ đã ở với con cả là ông T và thực tế ông T đã sử dụng từ năm 2003 đến nay là 18 năm, còn bà C không sử dụng. Chỉ khi bà C làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà C năm 2014 thì bà C mới kiện đòi lại quyền sử dụng đất mà bà cho rằng là của bà được thừa kế từ ông T6 chồng của bà là chưa làm đầy đủ thủ tục theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/8/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa có đúng các trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hay không thấy rằng: Ông T6 chồng bà C mất năm 2008 thì khối tài sản của vợ chồng bà C ông T6 (kể cả thửa ruộng đang tranh chấp này) đều thuộc di sản thừa kế. Hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: Bà C, các con của bà C là anh Đ, chị A và cụ Đ1. Về nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng ông T6 được chia đôi mỗi người một nửa. Nửa tài sản của ông T6 được chia thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: Bà C, anh Đ, chị A, cụ Đ1 nhưng do cụ Đ1 đã mất năm 2009 thì những người thừa kế thế vị của cụ Đ1 gồm có: Các con của cụ Đ1 được hưởng một suất thừa kế của cụ Đ1. Chỉ khi nào các con của cụ Đ1 có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế thế vị của cụ Đ1 và các con của bà T cũng từ chối nhận di sản của ông T6 thì bà C mới có toàn quyền sử dụng định đoạt một nửa di sản của ông T6 để lại. Như vậy văn bản phân chia di sản của bà C ngày 08/6/2014 chỉ có 02 người con của bà C từ chối là chưa đủ hàng thừa kế theo pháp luật quy định, do vậy UBND huyện Định Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất ruộng đang tranh chấp cho bà C vào năm 2014 là không đúng quy định của pháp luật, do vậy kháng cáo của ông T đề nghị tòa án hủy giấy chứng nhận mà UBND huyện Định Hóa đã cấp cho bà C là có căn cứ. Từ đó yêu cầu khởi kiện của bà C đòi lại quyền sử dụng thửa đất ruộng này là không có quyền bởi vì đây là 1 phần di sản thừa kế trong khối tài sản chung của vợ chồng ông T6 chưa được chia thừa kế, do vậy cần bác yêu cầu khởi kiện của bà C, dành quyền khởi kiện cho các hàng thừa kế được quyền khởi kiện vụ án chia thừa kế mới giải quyết được triệt để vụ án, mới đảm

bảo được quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là không đúng quy định của pháp luật, không phải hủy bản án sơ thẩm mà chỉ cần sửa bản án sơ thẩm để dành quyền khởi kiện cho các đương sự trong vụ án chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà C, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Định Hóa đã cấp cho bà C năm 2014 là có căn cứ. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thừa ruộng này thuộc quyền sử dụng của ông T là chưa có đủ căn cứ như đã phân tích nêu trên.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi tuyên án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của ông Ma Văn T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Định Hóa đã cấp cho bà C năm 2014 là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 100, 166 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ma Văn T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS - ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đòi ông Ma Văn T phải trả lại cho bà C thửa đất số 120, tờ bản đồ số 19 - bản đồ địa chính xã Trung Lương mà bà C đã được Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 830342, sổ vào sổ CH 03825, ngày 20/8/2014 để bà C quản lý, sử dụng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ma Văn T. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 830342, sổ vào sổ CH 03825, do UBND huyện Định Hóa cấp ngày 20/8/2014 cho bà Nguyễn Thị C.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 700.000^d (bảy trăm nghìn đồng), ông T tự nguyện chịu 700.000^d (bảy trăm nghìn đồng). Xác nhận ông T, bà C đã nộp đủ và chi phí xong.

4. Về án phí: Ông Ma Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả ông T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005142 ngày 05 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Bà Nguyễn Thị C phải chịu

200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà C đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0017582 ngày 05 tháng 01 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Định Hóa;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND huyện Định Hóa;
- UBND xã Trung Lương;
- VP - TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quế